

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 6 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 là 1.505 tỷ đồng, đạt 51% dự toán Trung ương, 46% dự toán địa phương, giảm 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 1.431 tỷ đồng, đạt 51% dự toán Trung ương, 45% dự toán địa phương, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

a) Khu vực Doanh nghiệp nhà nước 261 tỷ đồng, đạt 47% dự toán, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu từ Alumina và các đơn vị thủy điện. Một số đơn vị có số thu lớn: Chi nhánh Tập đoàn Than khoáng sản - Công ty nhôm TKV; Công ty thủy điện Buôn Kuốp; Công ty thủy điện Đồng Nai 3, 4. Đột biến trong kỳ số thu thuế Giá trị gia tăng Công ty điện lực Đắk Nông 12,7 tỷ đồng (nguyên nhân do số thuế Giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ ít dẫn đến số thuế phải nộp cao và cao điểm nắng nóng, lượng điện năng tiêu thụ nhiều).

b) Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 34 tỷ đồng, đạt 60% dự toán Trung ương và địa phương giao, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu từ các doanh nghiệp trọng điểm: Công ty TNHH điện gió Quang Minh, Công ty TNHH Olam Việt Nam... Số thu thấp hơn cùng kỳ năm trước do Công ty điện gió Quang Minh có số nộp thấp hơn 25% so với cùng kỳ; năm trước có khoản thu đột biến thuế xây dựng cơ bản của Công ty điện lực An Huy.

c) Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 330 tỷ đồng, đạt 44% dự toán Trung ương và địa phương giao, giảm 5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Số thu khu vực này chủ yếu từ các đơn vị thủy điện (chiếm 38%), trong đó đóng góp nhiều nhất là Công ty thủy điện Đắk Rtih, Công ty CP điện lực 3, Công ty CP thủy điện thủy điện VRG... Số thu chưa đạt tiến độ dự toán chủ yếu do những tháng đầu năm số thu từ thủy điện thấp; đồng thời, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước do cùng kỳ năm 2023 thu được khoản thuế nợ của năm 2022.

d) Thuế thu nhập cá nhân 165 tỷ đồng, đạt 72% dự toán, tăng 43% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu từ thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công (tăng 66% so với cùng kỳ) do các đơn vị nộp quyết toán thuế Thu nhập cá nhân của năm 2023. Thuế Thu nhập cá nhân từ hộ, cá nhân kinh doanh tăng 8% so với cùng kỳ. Đột biến trong tháng 4 có một giao dịch chuyển nhượng bất động sản với giá trị chuyển nhượng lớn, nộp vào ngân sách 8,2 tỷ đồng.

e) Thuế bảo vệ môi trường 70 tỷ đồng, đạt 56% dự toán, tăng 17% so với số thực hiện cùng kỳ năm trước. Số thu cao hơn so với dự toán và so với cùng kỳ do sản lượng xăng, dầu bán ra nhiều hơn, sản lượng tăng 27% so với cùng kỳ.

g) Lệ phí trước bạ 85 tỷ đồng, đạt 55% dự toán, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lệ phí trước bạ ô tô giảm 9% so với cùng kỳ; lệ phí trước bạ nhà đất tăng 54% so với cùng kỳ, lệ phí trước bạ xe máy tăng 14% so với cùng kỳ.

h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 23 tỷ đồng, đạt 71% dự toán, tăng 31% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân số thu cao do tháng tết Công ty xổ số Đắk Nông phát hành cặp vé đặc biệt làm tăng số vé bán ra. Bên cạnh đó, những tháng đầu năm số lượng người trúng thưởng nhiều với giá trị giải thưởng cao.

i) Thu phí, lệ phí 97 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chủ yếu từ phí bảo vệ môi trường của Công ty nhôm TKV mà hiện nay Công ty thiếu nguyên liệu sản xuất và thiếu nguồn nước rửa quặng dẫn đến số thu thấp.

k) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước 45 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và giảm 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

l) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước 16 tỷ đồng, đạt 71% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước.

m) Thu khác ngân sách 87 tỷ đồng, đạt 82% dự toán, tăng 46% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu thực hiện 65 tỷ đồng, đạt 48% dự toán, giảm 44% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần lớn nguồn thu từ xuất khẩu Alumin; nguồn thu từ hoạt động nhập khẩu thiết bị điện gió giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu viện trợ 3 tỷ đồng.

4. Thu huy động đóng góp là 6 tỷ đồng.

## II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 là 4.646 tỷ đồng, đạt 52% dự toán.


1. Chi đầu tư phát triển 2.174 tỷ đồng (bao gồm các khoản chi từ nguồn chuyển nguồn năm trước sang), đạt 74% dự toán.

2. Chi thường xuyên 2.470 tỷ đồng, đạt 42% dự toán, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.134 tỷ đồng, đạt 53% dự toán; chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 8 tỷ đồng, đạt 44% dự toán.

3. Chi trả nợ lãi các khoản vay 1,3 tỷ đồng.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

\* Chi ngân sách địa phương những tháng đầu năm 2024 nhìn chung đáp ứng các nhu cầu chi thường xuyên để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội, tập trung đảm bảo kinh phí tiền lương, lương hưu, trợ cấp xã hội cho các đối tượng chính sách; đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ lãi đến hạn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, bảo đảm phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách và cấp dưới theo đúng thời hạn và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Đồng thời, quán triệt yêu cầu triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách nhà nước, nhất là chi thường xuyên ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; chủ động sắp xếp, xử lý để triển khai các nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm dự toán

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 của Tỉnh Đắk Nông./. 

### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Lê Văn Chiến**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 456/BC-UBND ngày 22/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện 06 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>8.967.726</b>	<b>7.699.907</b>	<b>86</b>	<b>116</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>2.983.000</b>	<b>1.334.946</b>	<b>45</b>	<b>101</b>
1	Thu nội địa	2.983.000	1.334.946	45	101
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ		-		
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>6.044</b>		<b>110</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>59.751</b>	<b>2.726.543</b>	<b>4.563</b>	<b>94</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>0</b>		
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>192</b>		<b>2</b>
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.924.975</b>	<b>3.632.182</b>	<b>61</b>	<b>153</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.985.126</b>	<b>4.646.372</b>	<b>52</b>	<b>106</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.950.009	2.174.346	74	94
2	Chi thường xuyên	5.893.254	2.469.686	42	120
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.500	1.339	38	108
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	137.363	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	-			
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>17.400</b>		<b>-</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>		<b>6.350</b>		



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số **496**/BC-UBND ngày **22**/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2024 TW giao	Dự toán 2024 ĐP giao	Thực hiện 06 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.948.000</b>	<b>3.300.000</b>	<b>1.505.228</b>	<b>51</b>	<b>46</b>	<b>98</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.813.000</b>	<b>3.165.000</b>	<b>1.430.803</b>	<b>51</b>	<b>45</b>	<b>102</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	540.000	540.000	249.706	46	46	74
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	17.000	17.000	11.407	67	67	118
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	56.000	56.000	33.855	60	60	95
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	750.000	750.000	330.176	44	44	95
5	Thuế thu nhập cá nhân	230.000	230.000	164.562	72	72	143
6	Thuế bảo vệ môi trường	125.000	125.000	70.383	56	56	117
7	Lệ phí trước bạ	155.000	155.000	85.206	55	55	113
8	Các loại phí, lệ phí	190.000	190.000	97.344	51	51	82
9	Các khoản thu về nhà, đất	522.700	872.700	232.526	44	27	129
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	0			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	700	400	57	57	98
-	Thu tiền sử dụng đất	500.000	850.000	216.535	43	25	130
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	22.000	22.000	15.592	71	71	110
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN			0			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	90.000	45.232	50	50	98
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			312			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	32.000	32.000	22.817	71	71	131
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	0			
14	Thu khác ngân sách	105.000	107.000	87.276	83	82	146
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>			<b>0</b>			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>135.000</b>	<b>135.000</b>	<b>65.152</b>	<b>48</b>	<b>48</b>	<b>56</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	19.000	19.000	10.189	54	54	21
2	Thuế xuất khẩu	110.000	110.000	54.903	50	50	91
3	Thuế nhập khẩu	6.000	6.000	59	1	1	1
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu			0			
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			0			
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	-	-	<b>3.230</b>			
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	-	-	<b>6.044</b>			<b>110</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.632.200</b>	<b>2.983.000</b>	<b>1.334.946</b>	<b>51</b>	<b>45</b>	<b>102</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.216.500	1.216.500	662.230	54	54	98
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.415.700	1.766.500	672.716	48	38	105

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 496/BC-UBND ngày 22/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện 06 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.985.126</b>	<b>4.646.372</b>	<b>52</b>	<b>106</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.950.009</b>	<b>2.174.346</b>	<b>74</b>	<b>94</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.745.009	2.159.671	79	94
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	205.000	14.676	7	533
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.893.254</b>	<b>2.469.686</b>	<b>42</b>	<b>120</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.130.702	1.134.351	53	122
2	Chi khoa học và công nghệ	17.710	7.757	44	62
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	249.727		113
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	42.895		112
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	-	18.772		106
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	7.180		163
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	17.563		137
8	Chi sự nghiệp kinh tế	-	238.696		147
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	539.577		112
10	Chi bảo đảm xã hội	-	82.349		106
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>3.500</b>	<b>1.339</b>	<b>38</b>	<b>108</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>137.363</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>